

# SSIAM VNX50 ETF



THÔNG TIN QUỸ – THÁNG 08/2022

## THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ

<b>TÊN QUỸ</b>	<b>ETF SSIAM VNX50</b>
<b>CHỈ SỐ THAM CHIẾU</b>	VNX50
<b>SÀN NIÊM YẾT</b>	Sở giao dịch chứng khoán TP.Hồ Chí Minh (HSX)
<b>MÃ GIAO DỊCH</b>	FUESSV50
<b>MÃ BLOOMBERG</b>	FUESSV50 VN EQUITY
<b>BẮT ĐẦU HOẠT ĐỘNG</b>	10/12/2014
<b>QUY MÔ QUỸ</b>	<b>291,22 tỷ đồng</b> (~12,49 triệu USD) (tại ngày 31/08/2022)
<b>TIỀN TỆ</b>	VND
<b>CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ</b>	Công ty Quản lý quỹ SSI (SSIAM)
<b>GIÁ DỊCH VỤ QUẢN LÝ</b>	0,65%
<b>TỔNG SỐ LƯỢNG CCQ LƯU HÀNH</b>	15.700.000

## CHỈ SỐ CƠ BẢN CỦA QUỸ

<b>SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU</b>	50
<b>HỆ SỐ P/E</b>	10,83x
<b>HỆ SỐ P/B</b>	1,99x

Nguồn: Bloomberg, SSIAM

## MÔ TẢ VỀ QUỸ

Quỹ ETF SSIAM VNX50 hướng tới đạt hiệu quả đầu tư bám sát mức sinh lời thực tế của Chỉ số VNX50 trong tất cả các giai đoạn.

Quỹ áp dụng chiến lược đầu tư thụ động và đầu tư vào các cổ phiếu cấu thành chỉ số VNX50. Quỹ không hướng tới đạt hiệu quả vượt trội so với Chỉ số VNX50 hoặc đưa ra các biện pháp phòng thủ khi TTCK Việt Nam giảm điểm.

Quỹ ETF SSIAM VNX50 tiền thân là quỹ ETF SSIAM HNX30, được thành lập năm 2014. Từ khi thành lập đến 22/08/2017, Quỹ mô phỏng chỉ số HNX30, bao gồm 30 cổ phiếu hàng đầu được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Từ ngày 23/08/2017, Quỹ đã thực hiện cơ cấu lại danh mục đầu tư để mô phỏng Chỉ số VNX50 và chính thức đổi tên thành Quỹ ETF SSIAM VNX50. Quỹ được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch FUESSV50.

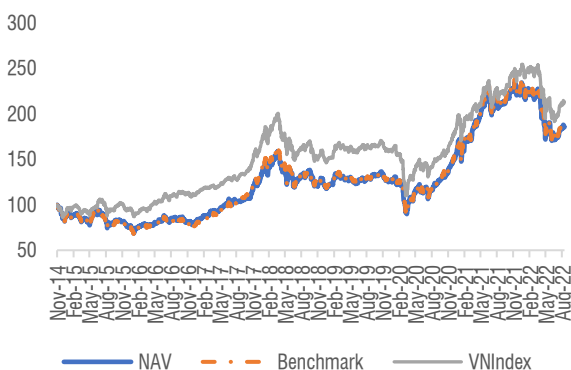
## CHỈ SỐ THAM CHIẾU VNX50

Chỉ số VNX50 là chỉ số giá bao gồm 50 mã cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch Chứng Khoán Hà Nội (HNX) và Sở giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh (HSX). Chỉ số VNX50 bao gồm 50 công ty có giá trị vốn hóa, tính thanh khoản và tỷ lệ tự do chuyển nhượng hàng đầu trong rổ cổ phiếu VNX Allshare. Tỷ lệ vốn hóa tối đa áp dụng cho mỗi cổ phiếu trong Chỉ Số VNX50 là 10%. Ngày cơ sở của của chỉ số VNX50 là 21/07/2017 với điểm cơ sở là giá trị chỉ số đóng cửa của VNX Allshare ngày 21/07/2017.

Chỉ số VNX50 được xem xét điều chỉnh định kỳ 6 tháng/lần.

Chỉ số VNX50 đại diện cho >60% vốn hóa của thị trường chứng khoán Việt Nam.

## HIỆU QUẢ ĐẦU TƯ



	Tăng trưởng (%)							Từ ngày kết thúc đăng ký góp vốn (17/11/2014)
	2018	2019	2020	2021	1 tháng	3 tháng	Từ đầu năm	
ETF SSIAM VNX50	-7,1	6,04	22,95	48,54	5,25	-1,75	-19,84	<b>85,49</b>
VNX50*	-9,5	5,88	23,14	49,53	4,84	-2,07	-14,53	<b>86,93</b>

(\*) Từ 17/11/2014 đến 22/8/2017, Chỉ số tham chiếu là chỉ số HNX30, sau 22/8/2017, Chỉ số tham chiếu là chỉ số VNX50.

Dữ liệu hoạt động đề cập ở đây thể hiện hiệu quả hoạt động trong quá khứ, không đảm bảo kết quả trong tương lai. Giá trị lợi nhuận và số tiền gốc của khoản đầu tư sẽ thay đổi, theo đó giá trị chứng khoán của nhà đầu tư khi bán có thể cao hơn hoặc thấp hơn giá trị vốn ban đầu.

## Cập nhật thị trường – Tháng 8 2022

*“Hãy hướng tầm mắt lên bầu trời trong khi giữ vững đôi chân trên mặt đất”*

— Theodore Roosevelt – Tổng thống thứ 26 của Hợp chủng quốc Hoa Kỳ.

### **Bối cảnh quốc tế:**

Những tháng vừa qua, lạm phát tại Mỹ tiếp diễn biến theo hướng tiếp tục duy trì ở mức cao. Điều này nhiều khả năng dẫn tới Cục Dự trữ Liên bang Mỹ sẽ phải tiếp tục theo đuổi chính sách thắt chặt tiền tệ mạnh mẽ, và hệ quả thời gian qua là chỉ số DXY đo lường sức mạnh của đồng bạc xanh bị đẩy lên mức cao nhất trong vòng 20 năm. Trong suốt 12 tháng qua, việc đồng tiền này tăng giá mạnh mẽ đến từ nhiều yếu tố cộng hưởng bao gồm sự giảm tốc của tăng trưởng toàn cầu cùng với chính sách thắt chặt đến từ nhiều ngân hàng trung ương các nước. Mặc dù khiến USD tăng giá, các yếu tố trên lại có tác động tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế của cả Mỹ lẫn nhiều quốc gia trên thế giới, đặc biệt là các nước phát triển.

Bên cạnh đó, một nghiên cứu của JP Morgan cho thấy trong quá khứ, đồng USD mạnh lên thường dẫn tới thị trường cổ phiếu của các nước ASEAN – 6 suy yếu. Trong suốt 20 năm qua, khi đồng USD tăng giá ở mức 5% hoặc cao hơn, mức sụt giảm theo trung vị của thị trường cổ phiếu Singapore là 15%, theo sau là Indonesia ở mức 14%, Việt Nam 12% tương đương Thái Lan 12%, tiếp đến là Malaysia giảm 10% và cuối cùng là Philippines giảm 8%. Với việc chỉ số DXY đo lường sức mạnh đồng USD đã tăng 15% từ đầu năm nay, thị trường cổ phiếu Việt Nam cũng mất 16% từ mức cao nhất. Như vậy mức sụt giảm này của thị trường Việt Nam là cao hơn so với trung bình trong quá khứ, nhiều khả năng là hệ quả của việc nền kinh tế có độ mở cao hơn trước kia và mức độ tham gia sâu hơn của các nhà đầu tư ngoại trên thị trường cổ phiếu dẫn tới tác động tiêu cực lớn hơn từ một yếu tố quốc tế như đồng USD tăng giá.

Ngoài ra, đồng USD mạnh lên cũng gia tăng sức ép lên các đồng nội tệ của các quốc gia mới nổi. Trong các đồng nội tệ của các nước ASEAN-6, VND giảm giá ít nhất chỉ mất 3.5% từ đầu năm, trong khi đồng PHP giảm 9%, THB giảm 8%, MYR giảm 7%, IDR giảm 4% và SGD cũng giảm 4%. Điều này là kết quả của nỗ lực của NHTW Việt Nam trong việc duy trì ổn định tỷ giá thông qua việc bán đồng USD cũng như phát hành tín phiếu ngắn hạn bằng đồng VND. Những biện pháp này nhằm hướng tới việc hỗ trợ ổn định kinh tế vĩ mô và giữ lãi suất nội địa ở mức thấp. Không giống như nhiều nền kinh tế trong khu vực có cán cân vãng lai thâm hụt, cũng như mức độ đô la hóa ngày càng tăng do dịch chuyển sản xuất ra nước ngoài và hạn chế chuyển lợi nhuận xuất khẩu về trong nước, tại Việt Nam các nỗ lực của NHTW được hỗ trợ bởi dự trữ ngoại hối dồi dào tích lũy được trong những năm gần đây cũng như cán cân thương mại thặng dư đến từ xuất khẩu và du khách nước ngoài. Nhìn từ góc độ này, Việt Nam là quốc gia hiếm hoi trong khu vực ASEAN có cán cân vãng lai thặng dư và dư địa lớn cho chính sách tài khóa, bên cạnh Singapore và Indonesia.

Nhìn từ góc nhìn lợi thế tương đối, các nhà xuất khẩu Việt Nam được hưởng lợi khi đồng USD mạnh lên khi giá hàng xuất khẩu của Việt Nam trở nên rẻ hơn và dễ cạnh tranh hơn. Trong những năm gần đây Việt Nam đã tham gia ngày càng sâu rộng vào chuỗi cung ứng toàn cầu, nhờ việc chủ động đàm phán nhiều thỏa thuận thương mại tự do FTA cũng như xu hướng dịch chuyển sản xuất xuống phía Nam khỏi Trung Quốc từ các công ty đa quốc gia. Chúng tôi kỳ vọng rằng xu hướng này sẽ còn được duy trì trong nhiều thập kỷ tới, đặc biệt khi Việt Nam đã có những biểu hiện tích cực trong đại dịch Covid trong mắt các nhà quan sát quốc tế. Minh chứng cho xu hướng này là việc thị phần của Việt Nam trong xuất khẩu toàn cầu đã tăng mạnh mẽ trong thập kỷ vừa qua, đặc biệt là đối với các sản phẩm thuộc mảng hàng hóa tiêu dùng. Số liệu từ ComTrade của Liên Hợp Quốc chỉ ra thị phần xuất khẩu của Việt Nam đối với điện thoại thông minh đã vượt 8,0% trong năm 2021, 6,2% với quần áo, và 5,5% với thiết bị thông tin liên lạc cùng đồ dùng văn phòng. Khi cuộc chiến tranh thương mại Mỹ - Trung nổ ra, Việt Nam đã trở thành đối tác thương mại quan trọng của Mỹ, đứng thứ 7 trong tổng kim ngạch thương mại và thứ 6 trong số các đối tác Mỹ nhập khẩu trong năm 2021, chiếm 3,6% tổng nhập khẩu của Mỹ trong năm 2021 tức là gần gấp đôi mức 1,9% vào năm 2018. Thị phần của Việt Nam còn cao hơn với một số mặt hàng đặc thù như thiết bị điện tử (7,6%), quần áo (14,7%) hay giày dép (27,9%).

Mặc dù vậy, tăng trưởng toàn cầu đang có xu hướng chậm lại hoặc rủi ro suy thoái có thể tạo ra những tác động tiêu cực ngắn hạn tới các doanh nghiệp xuất khẩu hoặc nền kinh tế hướng xuất khẩu như Việt Nam. Trong tình hình viễn cảnh ngắn hạn còn khá mơ hồ, chúng tôi tin rằng cần tập trung vào các xu hướng rõ ràng hơn trong trung và dài hạn. Dù phải đối mặt với những cú sốc chưa từng có trong lịch sử tác động lên chuỗi cung ứng trong suốt ba năm qua, thành công trong việc tích hợp vào chuỗi cung ứng toàn cầu đã cho phép Việt Nam thu hút lượng lớn FDI tương đương với khoảng 6% GDP, cao hơn một cách đáng kể so với các nền kinh tế khác trong khu vực, những nơi này đa phần là ghi nhận sự sụt giảm lớn của dòng vốn đầu tư nước ngoài trong giai đoạn 2020 dưới tác động của đại dịch Covid.

Bên cạnh đó, có một rủi ro khá rõ ràng với Việt Nam là trong bối cảnh kinh tế toàn cầu chịu nhiều tác động tiêu cực, có thể sẽ có sự đảo chiều của dòng vốn đầu tư vào thị trường cổ phiếu từ nhà đầu tư ngoại, khiến giá tăng áp lực lên cán cân thanh toán vãng lai, điều mà đã xảy ra tại nhiều nước khác trong khu vực. Mặc dù Việt Nam khó có thể miễn nhiễm khỏi áp lực thoái vốn này, nhất là trong kịch bản suy thoái hoặc kinh tế thế giới giảm tốc, chúng tôi muốn nhấn mạnh là từ đầu năm tới nay các nhà đầu tư vẫn đang đổ nhiều tiền hơn là rút tiền khỏi Việt Nam. Cho đến giữa tháng 9, chênh lệch giữa dòng vốn vào và dòng vốn ra vẫn đang ở mức thặng dư 65 triệu USD đổ vào chỉ số VNIndex. Quan trọng hơn, chúng tôi cho rằng các rủi ro quốc tế đã được phản ánh hầu hết vào các mức giá, không chỉ ở thị trường Việt Nam mà còn cả ở thị trường Mỹ hay các nước phát triển khác.

### **Cập nhật thị trường Việt Nam trong tháng Tám:**

**Xu hướng dịch chuyển xuống phía Nam** của các tập đoàn sản xuất đa quốc gia chuyển cơ sở đi khỏi Trung Quốc tiếp tục diễn ra. Diễn biến mới nhất là việc Apple quyết định chuyển một phần sản xuất Macbooks, iPads và Apple Watches tới Việt Nam. Theo một số tờ báo cho biết, Việt Nam có thể chiếm khoảng gần 15% tổng sản lượng của Apple trên toàn thế giới cho các sản phẩm trên. Nhiều nguồn tin cũng cho biết Foxconn có mục tiêu tăng sản lượng tại Việt Nam lên mức 40 tỷ USD, tương đương 11% GDP nước ta, trong 3-5 năm tới từ mức 6 tỷ USD vào năm 2020. Hiện tại Foxconn đã đầu tư khoảng 270 triệu USD vào nhà máy sản xuất máy tính xách tay và máy tính bảng và dự kiến có thể đạt sản lượng tối đa 8 triệu đơn vị sản phẩm mỗi năm. BYD cũng đầu tư dây chuyền lắp ráp iPad trị giá 268 triệu USD với năng lực sản xuất mỗi năm tối đa khoảng 4,33 triệu đơn vị, và đã đi vào vận hành sản xuất thương mại từ tháng Sáu vừa qua. Tổng cộng cả hai công ty kể trên sẽ sản xuất khoảng 12,33 triệu đơn vị sản phẩm mỗi năm, tương đương với 15% tổng sản lượng của Apple trong năm 2021 gồm 25,6 triệu Macbook và 59,2 triệu iPad.

Nhìn lại quá khứ, việc tập đoàn Samsung dịch chuyển sản xuất tới Việt Nam vào đầu những năm 2010 đã thúc đẩy xuất khẩu và hoạt động chế biến chế tạo, đóng góp lớn cho cán cân thương mại thặng dư từ 2016. Cho đến năm 2021, sản xuất của Samsung đã chiếm tới 20% của tổng xuất khẩu của Việt Nam, trong đó 30% là các sản phẩm công nghệ có giá trị cao. Ngành chế biến chế tạo đã ngày càng đóng vai trò chủ đạo trong việc thúc đẩy tăng trưởng GDP của Việt Nam, đóng góp xấp xỉ 24% tổng GDP mỗi năm với tốc độ tăng trưởng kép hàng năm vượt xa so với mức chung của nền kinh tế trong suốt 10 năm qua. Chúng tôi hoàn toàn tin tưởng rằng việc dịch chuyển chuỗi sản xuất của Apple cũng sẽ có tác động tương tự lên lĩnh vực thương mại, dòng chảy vốn vãng lai hay các hoạt động kinh tế nhìn chung.

Nhìn chung, đây là một cột mốc quan trọng có thể tạo ra những tác động rộng rãi đến nhiều lĩnh vực của nền kinh tế, lan tỏa tới các ngành công nghiệp phụ trợ như cách mà sự dịch chuyển của Samsung đã mang lại trong quá khứ. Nếu thành công, sự dịch chuyển này còn có thể châm ngòi cho những hiệu ứng dây chuyền khác, thúc đẩy nhiều công ty đa quốc gia khác nối bước Apple. Việc dịch chuyển của chuỗi sản xuất công nghệ không chỉ quan trọng đối với mục tiêu trở thành trung tâm sản xuất toàn cầu của Việt Nam, mà còn có ý nghĩa lớn từ nhiều phương diện khác. Nói một cách tổng thể, nhờ dòng tiền từ đầu tư và xuất khẩu, FDI sẽ là động lực tăng thanh khoản thị trường chính, mang lại lợi ích cho các ngân hàng trong nước với hệ số nhân tiền cao hơn. Khi thanh khoản hệ thống được cải thiện sẽ giúp làm giảm áp lực lên chi phí vốn của các ngân hàng, và mở ra các mảng dịch vụ mới cho các định chế này. Ngoài ra, các nhà cung cấp dịch vụ cơ sở hạ tầng khu công nghiệp cũng như hoạt động giao nhận vận tải cũng sẽ được hưởng lợi từ dòng vốn vào hoạt động chế biến chế tạo. Về dài hạn, thị trường trong nước sẽ được tiếp cận với các sản phẩm chất lượng giá thành rẻ hơn được sản xuất nội địa, qua đó thúc đẩy các mảng tiêu dùng và bán lẻ, gia tăng ảnh hưởng của tầng lớp trung lưu cũng như xu hướng đô thị hóa.

**Nâng xếp hạng thị trường của Moody's:** vào ngày mùng 6 tháng Chín, Moody's Investors Service đã nâng xếp hạng của Chính phủ Việt Nam với trái phiếu dài hạn và tín chấp ưu tiên lên mức Ba2 từ mức Ba3 trước đó và đổi mức triển vọng từ Ổn định sang Tích cực. Bên cạnh đó, Moody cũng nâng xếp hạng của 12 ngân hàng Việt Nam. Đánh giá về việc nâng hạng, tổ chức này cho biết điều này “phản ánh sức mạnh kinh tế ngày càng được tăng cường và khả năng chống chịu của Việt Nam trước các cú sốc vĩ mô bên ngoài được ghi nhận tốt hơn so với các quốc gia tương tự, cho thấy sự cải thiện hiệu quả trong chính sách”. Một nguyên nhân chính thường được nhắc tới là việc nền kinh tế tiếp tục hưởng lợi từ những điều chỉnh của chuỗi cung ứng, đa dạng hóa xuất khẩu cũng như dòng vốn ngoại vẫn liên tục chảy vào lĩnh vực chế biến chế tạo. Quan trọng hơn, Moody cũng đã thừa nhận những nỗ lực của chính phủ Việt Nam với “vị thế tài khóa mạnh hỗ trợ bởi chi phí vay được kiểm soát, quan điểm thận trọng về chính sách tài khóa và thanh khoản được cải thiện của chính phủ, đến từ việc chuyển đổi dần từ các khoản vay ưu đãi nước ngoài sang huy động vốn vay trên thị trường trong nước với chi phí thấp và kỳ hạn dài hơn”. Dù việc nâng hạng này không thay đổi xếp hạng chung trái phiếu chính phủ Việt Nam, vẫn tiếp tục ở mức Đầu cơ chứ chưa vào được xếp hạng Đầu tư, nhưng chúng tôi hoàn toàn tin tưởng rằng đây là một bước tiến đúng đắn, cho thấy xu hướng tích cực sẽ tiếp tục được cải thiện trong dài hạn.

**Thay đổi về Chu kỳ Thanh toán và Giao dịch cổ phiếu lô lẻ:** Từ ngày 29 tháng Tám, Trung tâm Lưu ký Việt Nam đã giảm chu kỳ thanh toán cổ phiếu xuống T+1,5 thay vì T+2 như trước đây. Điều này có nghĩa là chứng khoán được mua vào ngày T0 sẽ có thể sẵn sàng để bán từ tài khoản khách hàng vào chiều ngày T+2, một bước cải thiện lớn khi trước đây nhà đầu tư chỉ có thể bán các loại chứng khoán này từ ngày T+3 trở đi. Trong một diễn biến khác, giao dịch cổ phiếu lô lẻ đã được cho phép trở lại với tất cả cổ phiếu niêm yết trên sàn chứng khoán Hồ Chí Minh. Điều này sẽ giúp cải thiện thanh khoản thị trường theo thời gian.

**Tăng trưởng Tín dụng:** Trong bối cảnh hầu hết các ngân hàng đã hoặc sắp chạm hạn mức tín dụng được cấp theo kế hoạch của NHTW Việt Nam trước đó, cơ quan này đang thể hiện cách tiếp cận khá thận trọng trong việc nới hạn mức tăng trưởng tín dụng khi mà hết nửa đầu 2022 cả hệ thống đã đạt mức tăng trưởng khoảng 9% là một mức khá cao. Trong khi NHTW tiếp tục kiên định mục tiêu tín dụng tăng trưởng 14% cho năm 2022 (tức là không nâng hạn mức tổng cho năm nay), tổ chức này đã công bố việc nới hạn mức tăng trưởng tín dụng cho một số ngân hàng có bảng cân đối kế toán mạnh và khả năng quản trị rủi ro tốt. Cụ thể là các ngân hàng được nới hạn mức tín dụng như sau: STB +4%, MBB +3.2%, TCB +2.7%, OCB +3.1%, VIB +3%, HDB +3.4%, CTG +0.7%, BID +0.7%, VCB +2.7%, TPB +1.2%, MSB +0.7%, VPB 0.7%. Mức nới này tương đương với kỳ vọng thị trường và chúng tôi cho rằng hạn mức mới sẽ sớm được giải ngân hết, đi kèm với đó có thể là một đợt nới khác trong năm nay. Thực tế nhu cầu tín dụng là một chỉ báo quan trọng cho lòng tin của người dân và doanh nghiệp với triển vọng kinh tế, phản ánh thông qua việc doanh nghiệp trong nước tiếp tục tìm kiếm các nguồn vốn cho các kế hoạch mở rộng và phát triển kinh doanh. Hạn mức tăng trưởng tín dụng là một trong những công cụ được NHTW sử dụng để kiềm chế lạm phát và các rủi ro ngoại lai (bên cạnh công cụ giảm thuế và sử dụng dự trữ ngoại hối), cơ quan này có thể sẽ mở rộng hạn mức khi áp lực lạm phát giảm đi, đặc biệt là với các ngân hàng có chất lượng cao.

Đối với lĩnh vực ngân hàng, phần hạn mức còn lại có thể sẽ khá hạn chế. Chúng tôi cho rằng tỷ lệ CASA có thể sẽ giảm do khách hàng gặp khó khăn trong việc tiếp cận tín dụng, nhưng các ngân hàng cũng sẽ điều chỉnh và phân bổ các khoản cho vay có tỷ lệ rủi ro - lợi nhuận tốt hơn. Nhờ đó, tác động tiêu cực lên NIM và EPS sẽ được hạn chế, do tỷ lệ CASA hiện nay nhìn chung cũng chưa quá cao (18-43%) và nhiều khoản vay sẽ sớm được tái định giá lãi suất theo diễn biến thị trường. Kết quả là, chi phí vốn tăng sẽ được bù đắp bởi các khoản cho vay với lãi suất cho vay cao hơn, giúp ổn định, thậm chí cải thiện nhẹ NIM trong nửa sau 2022.

### **Dữ liệu Vĩ mô Việt Nam tháng Tám:**

Trong tháng qua bức tranh kinh tế vĩ mô Việt Nam tiếp tục là điểm tựa vững chắc cho thị trường nhìn chung và diễn biến cổ phiếu nói riêng. Các chỉ số chính vẫn cho thấy mức tăng trưởng hai con số so với cùng kỳ năm trước, trong khi lạm phát cũng vẫn được kiểm soát dưới mức mục tiêu của NHTW. Mặc dù vậy, cũng phải nói rằng tháng 8-9 năm

2021 là một mức thấp của kinh tế Việt Nam nên việc tăng trưởng hai con số so với cùng kỳ trong năm 2022 là tích cực nhưng không quá đột phá, trong khi kinh tế toàn cầu vẫn đang diễn biến phức tạp với nhiều bất lợi tiềm tàng trong thời gian tới. Chúng tôi giữ vững quan điểm là kinh tế Việt Nam sẽ vững vàng tiên bước, dù có những bất lợi nhất định do độ mở của nền kinh tế. Các điểm nhấn chính của tháng Tám như sau:

**Tiêu dùng** tiếp tục duy trì xu hướng phục hồi mạnh mẽ. **Doanh số Bán lẻ** giữ vững đà tăng 63,2% so với cùng kỳ năm trước trong tháng Tám (so với mức tăng 43,8% trong tháng Bảy). Đặc biệt, bán lẻ hàng hóa tăng 45,3% so với cùng kỳ năm trước (trong khi chỉ tăng 26,2% trong tháng Bảy) – dù vậy nếu so sánh cách tháng trong cùng năm với nhau thì tháng Tám 2022 không có sự cải thiện so với tháng Bảy, trong khi đã liên tục tăng 4 tháng trước đó. Dịch vụ lưu trú và ăn uống, cùng với tiêu dùng du lịch và dịch vụ cũng có mức tăng khá tốt ở 6,4% so với cùng kỳ (tăng 8,4% trong tháng Bảy) đến từ hoạt động du lịch hè hàng năm, được thúc đẩy bởi xu hướng mở cửa nội địa. Ngành du lịch tiếp tục là điểm sáng tăng trưởng với mức tăng 18,9% so với tháng trước đó, đặc biệt là du lịch nội địa tăng 38,0% trong tháng Tám 2022 so với tháng Bảy 2022 – tương đương với khoảng 1/3 mức trung bình tháng 2019, cho thấy vẫn còn rất nhiều dư địa để tăng trưởng và đóng góp vào bức tranh vĩ mô. Bên cạnh đó, doanh số bán hàng qua mạng tăng trưởng hết sức ấn tượng tăng 20% so với cùng kỳ lên mức 16,4 tỷ USD, tương đương với 7,8% tổng doanh số bán lẻ toàn quốc. hoạt động bán hàng qua mạng đã liên tục tăng trưởng ở mức đáng kinh ngạc trong những năm gần đây, và sẽ tiếp tục tác động sâu rộng lên hành vi tiêu dùng của cộng đồng trong thời gian tới. Bên cạnh đó, chúng tôi cũng cho rằng các ngành dịch vụ cũng sẽ được hưởng lợi từ nhu cầu bị dồn nén thời gian qua cũng như sự trở lại của hoạt động du lịch quốc tế.

**Sản xuất Công nghiệp** tăng tốc trở lại sau khi có sự giảm tốc nhẹ trong tháng Bảy. Tăng trưởng của **Chỉ số Sản xuất công nghiệp** (không bao gồm lĩnh vực xây dựng) tăng lên 15,6% so với cùng kỳ 2021 (so với 9,5% trong tháng Bảy, hoặc 0,8% so với tháng trước đó có điều chỉnh yếu tố mùa vụ trong khi giảm 1,4% tháng Bảy so với tháng Sáu 2022). Sản lượng của khu vực **Chế biến chế tạo** tăng 16,2% so với cùng kỳ (trong khi tăng 11,1% trong tháng Bảy), Đặc biệt là máy móc và Trang thiết bị của Chế biến chế tạo tăng 69,5% so với cùng kỳ 2021 (trong khi chỉ tăng 7,6% tháng Bảy), một phần do sự suy yếu trong giai đoạn này năm trước do các nhà máy đóng cửa để ngăn ngừa lây lan của đại dịch Covid 19. Mặc dù vậy cũng có những nốt trầm khi sản lượng thiết bị điện tử chỉ tăng 9,9% trong tháng so với cùng kỳ 2021 (thấp hơn mức 12,9% của tháng Bảy). Nhìn một cách tổng thể, mức tăng trưởng bền bỉ của sản xuất công nghiệp đến từ nhu cầu cả trong nước và quốc tế trong tháng Tám.

**Tăng trưởng Xuất khẩu** đã được cải thiện so với tháng trước đây, đạt mức 22,1% so với cùng kỳ (so với 8,9% so với tháng Bảy, hoặc 1,6% so với tháng trước đó nhưng vẫn thấp hơn về giá trị tuyệt đối so với tháng Sáu 2022). Mức tăng này được đóng góp chính bởi tăng trưởng dệt may và giày dép với mức tăng 7,9% so với tháng Bảy 2022 (đóng góp khoảng 18% tổng giá trị xuất khẩu). Xuất khẩu công nghệ (chiếm khoảng 35% tổng xuất khẩu) phục hồi tốt đạt tăng trưởng 3,1% so với cùng kỳ 2021, sau khi sụt giảm mạnh 15,9% so với cùng kỳ trong tháng Bảy 2022. Trong đó xuất khẩu máy tính và sản phẩm điện tử tăng 3,7% so với cùng kỳ (tăng 7,0% trong tháng Bảy). **Tăng trưởng Nhập khẩu** cũng khá mạnh mẽ đạt 12,4% so với cùng kỳ (trong khi tăng 3,4% trong tháng Bảy, hoặc 2,9% so với tháng trước đó). **Thặng dư thương mại** đã gia tăng lên 2,4 tỷ USD.

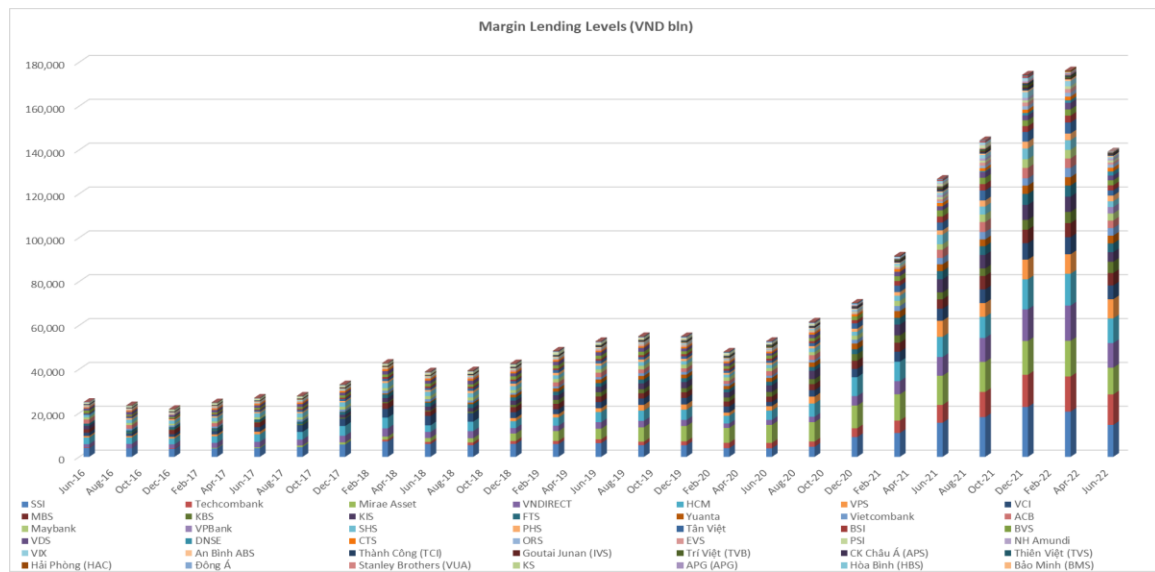
**Tăng trưởng dòng vốn FDI** tương đối trỗi dậy với vốn FDI mới đăng ký giảm 47,6% so với cùng kỳ 2021 (mặc dù lại tăng 34,6% trong tháng Bảy), và FDI thực hiện chỉ tăng 13,9% so với cùng kỳ 2021 (trong khi tăng 20% trong tháng Bảy). Cần phải nhấn mạnh là các số liệu theo tháng của FDI vẫn thường khá biến động, và Việt Nam vẫn đang là một quốc gia được hưởng lợi bởi xu hướng dịch chuyển sản xuất xuống phía Nam khỏi Trung Quốc. Đầu tư công đang tiếp tục tăng tốc lên mức tăng 52,9% so với cùng kỳ 2021, hơn gấp đôi mức 21,7% trong tháng Bảy trong bối cảnh hoạt động đầu tư công vào cơ sở hạ tầng đang chậm hụt xa so với kế hoạch đề ra năm nay.

**Chỉ số lạm phát CPI** vẫn ở trong tầm kiểm soát khi tăng 2,89% so với cùng kỳ trong tháng Tám (giảm từ mức 3,14% tháng Bảy) nhờ hàng loạt chính sách cắt giảm thuế đặc biệt trong lĩnh vực xăng dầu và năng lượng của chính phủ

nhằm giảm bớt tác động của giá dầu gia tăng. Giá cả lương thực thực phẩm tiếp tục ở mức thấp, trong khi lạm phát lõi tăng nhẹ lên mức 3,1% so với cùng kỳ (từ mức 2,6% trong tháng Bảy). Dù áp lực từ lạm phát toàn cầu ngày càng gia tăng, Việt Nam hiện vẫn đang kiểm soát được vấn đề này và chỉ số lạm phát nằm dưới mục tiêu 4% của NHTW khá xa, sẽ là tiền đề để hỗ trợ các chính sách kinh tế vĩ mô, khuyến khích tiêu dùng cũng như thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Dù có những rủi ro ngoại lai đến từ kinh tế thế giới trong thời gian tới, chúng tôi tiếp tục tin tưởng các động lực của Việt Nam sẽ giúp kinh tế phát triển vượt trội. Dù các dự báo ngắn hạn sẽ bị tác động tiêu cực bởi giảm sút nhu cầu bên ngoài đặc biệt là Mỹ và khu vực EU do áp lực lạm phát và rủi ro kinh tế, nhưng chúng tôi đánh giá các thuận lợi về cấu trúc nền kinh tế sẽ là động lực trong dài hạn. Lĩnh vực chế biến chế tạo của Việt Nam sẽ tiếp tục gia tăng thị phần trong chuỗi sản xuất quốc tế, và nhu cầu tiêu dùng trong nước mạnh mẽ được thúc đẩy bởi tầng lớp trung lưu lớn mạnh dần, đi kèm với các chính sách của chính phủ nhằm điều hướng các thách thức bên ngoài, các yếu tố này sẽ vẫn là tiền đề thúc đẩy tăng trưởng trong những năm tới đây.

**Diễn biến thị trường cổ phiếu:**

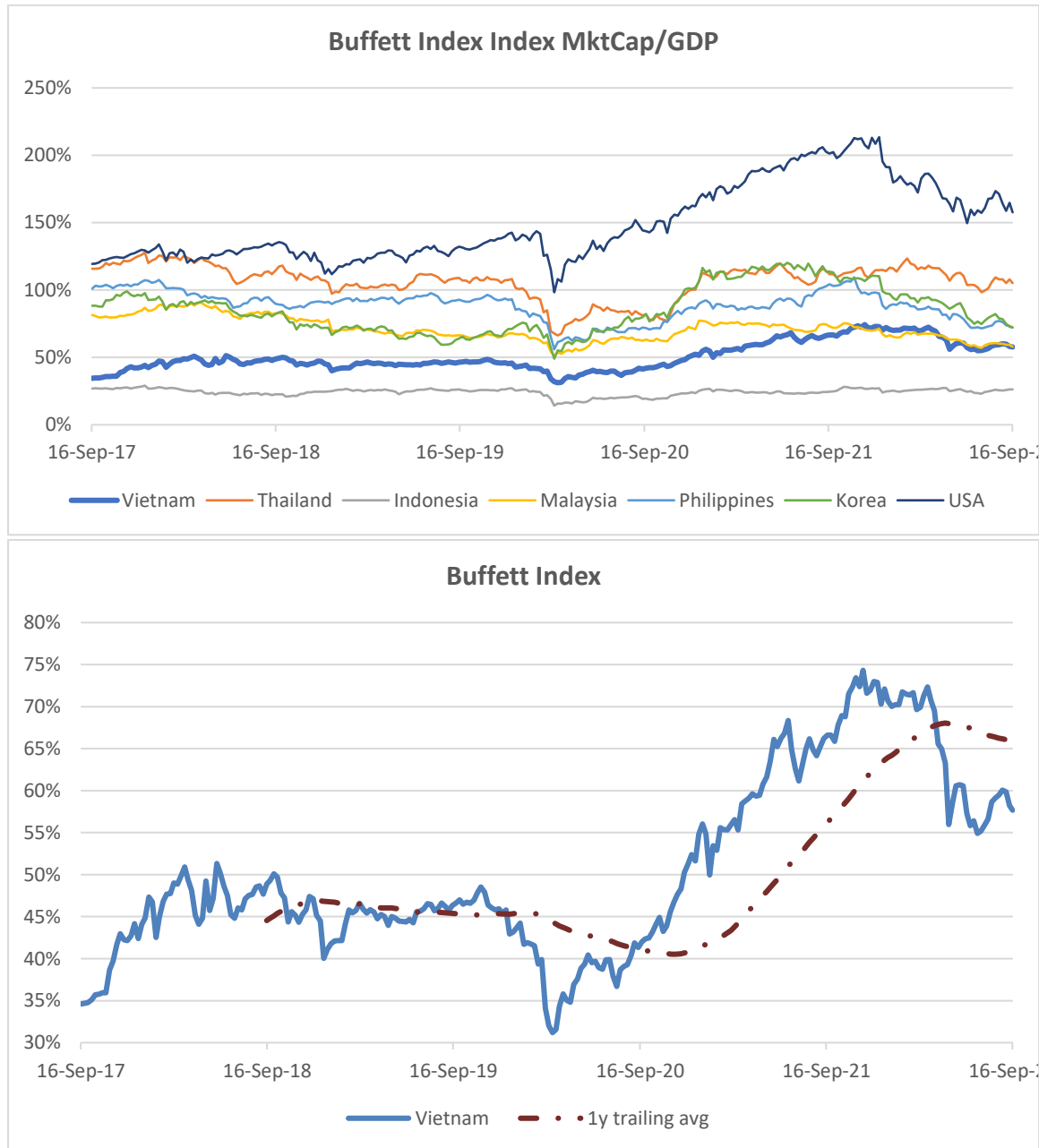
**Dư nợ cho vay cầm cố cổ phiếu:** Số liệu Q2 từ hơn 60 công ty môi giới chứng khoán cho thấy dư nợ cho vay cầm cố cổ phiếu trong Q2 đã giảm khá mạnh do sụt giảm của thị trường và suy yếu của khối lượng giao dịch trung bình ngày. Dù điều này đã được dự đoán trước, chúng tôi muốn lưu ý là việc bán giải chấp đến từ mức dư nợ cầm cố cao có thể đã đóng góp một phần quan trọng vào việc thị trường điều chỉnh trong Q2. Mặc dù vậy, tác động của việc này có lẽ không đáng ngại do tổng dư nợ cầm cố chỉ chiếm chưa đến 3% vốn hóa của chỉ số VNIndex. Trong bối cảnh thanh khoản đang dần được cải thiện từ mức đáy, chúng tôi kỳ vọng là dư nợ cầm cố này sẽ cải thiện dần trong Q3 và Q4. Dù vậy, do các nhà đầu tư cá nhân vẫn đang thận trọng quan sát thị trường và hạn chế trong hoạt động trading/ đảo danh mục, chúng tôi không kỳ vọng sự cải thiện dư nợ có thể mang lại tăng trưởng đột biến cho các chỉ số trong Q3/Q4.



Source: SSIAM, companies' Q2 earnings, State Securities Commissions, FiinPro

**Định giá thị trường:** Chúng tôi vẫn duy trì đánh giá thị trường chứng khoán Việt Nam đang ở mức định giá hết sức hấp dẫn. Tỷ lệ tổng vốn hóa thị trường so sánh với GDP, một chỉ báo yêu thích của Warren Buffett, vẫn ở vùng thấp gần nhất trong các quốc gia ASEAN – 6. Định giá này còn hấp dẫn hơn nữa nếu ta tính tới diễn biến điều chỉnh sâu gần đây của thị trường, tạo ra điểm vào hết sức hợp lý với các nhà đầu tư với tầm nhìn dài hạn. Với bức tranh tăng trưởng GDP tích cực như đã đề cập, và tốc độ tăng trưởng GDP cao nhất trong các nước khu vực, chúng ta có thể tiếp tục quan sát xu hướng kinh tế vĩ mô hỗ trợ mạnh mẽ cho thị trường chứng khoán trong thời gian tới đây. Dù sẽ là thiếu khôn ngoan nếu không tính tới những rủi ro vĩ mô đặc biệt liên quan tới các quan ngại trên thị trường thế giới, sự bền bỉ của nền

kinh tế Việt Nam trước những thách thức và những cơn gió trái chiều trong những năm gần đây cho chúng ta niềm tin về con đường phía trước.



Source: SSIAM, World Banks, Bloomberg

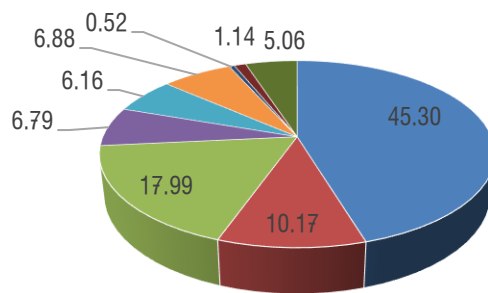
**Diễn biến các ngành:**

Đi cùng với các báo cáo lợi nhuận hết sức tích cực trong Q2, cổ phiếu các ngân hàng Việt Nam tăng giá mạnh trong tháng Tám với mức tăng trung bình 6,74%, đóng góp 2,38% vào tăng trưởng tổng cộng 6,2% của chỉ số VNIndex trong tháng và là ngành dẫn đầu của chỉ số. Với việc trần tăng trưởng tín dụng được nới, chúng tôi tiếp tục đặt kỳ vọng cao vào kết quả của ngành Ngân hàng trong Q3 sẽ duy trì xu hướng tăng trưởng của Q2 và dẫn dắt toàn thị trường. Bên cạnh đó, ngành Tiêu dùng thiết yếu và Tiêu dùng không thiết yếu cũng có kết quả khả quan trong tháng Tám, phù hợp với việc mở cửa lại của nền kinh tế. Ngành Bất động sản có sự phục hồi nhẹ, tuy nhiên chúng tôi tiếp tục giữ quan điểm thận trọng với ngành này do quan ngại về khả năng tiếp cận thanh khoản và giảm tốc doanh thu bán hàng.

	1M		3M		6M		YTD		1Y	
	Total Return (%)	Contribution %	Total Return (%)	Contribution %	Total Return (%)	Contribution %	Total Return (%)	Contribution %	Total Return (%)	Contribution %
<b>VNIndex</b>	6.20		-0.36		-13.29		-13.67		-2.34	
Financials	6.74	2.38	3.32	1.32	-14.82	-4.93	-13.40	-4.36	-2.97	-0.96
Real Estate	4.19	0.91	-7.32	-1.78	-14.06	-3.18	-20.66	-4.83	-11.14	-2.56
Consumer Discretionary	12.41	0.44	1.14	0.10	3.32	0.13	6.70	0.22	28.06	0.76
Consumer Staples	5.61	0.63	7.97	0.88	-1.11	-0.01	-4.67	-0.39	8.10	0.96
Information Technology	5.42	0.12	-3.57	-0.07	11.26	0.19	11.35	0.18	15.34	0.27
Materials	9.64	0.75	-6.31	-0.80	-25.41	-2.48	-25.71	-2.56	-24.57	-2.42
Industrials	3.90	0.35	-3.79	-0.46	-21.33	-2.08	-22.04	-2.17	6.40	0.20
Health Care	-1.96	-0.01	-4.26	-0.03	-15.33	-0.10	-13.90	-0.10	-15.23	-0.12
Utilities	6.54	0.46	1.36	-0.01	-3.37	-0.29	9.29	0.37	24.53	1.16
Communication Services	-3.69	0.00	-4.08	0.00	-16.28	-0.01	-21.11	-0.02	21.88	0.01
Energy	7.64	0.11	-3.19	-0.06	-29.43	-0.54	-19.11	-0.32	-7.86	-0.10
Not Classified	13.99	0.02	-3.38	-0.01	-36.37	-0.07	-40.07	-0.08	-19.36	-0.03

Sources: SSIAM, Bloomberg – data as of Aug 31<sup>st</sup>, 2022

### CƠ CẤU DANH MỤC THEO NGÀNH (% NAV)



- Tài chính
- Tiêu dùng thiết yếu
- Bất động sản
- Vật liệu
- Tiêu dùng không thiết yếu
- Công nghiệp
- Tiện ích
- Năng lượng
- Công nghệ thông tin

### DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA QUỸ (% NAV)

STT	Cổ phiếu	Tên công ty	% NAV	STT	Cổ phiếu	Tên công ty	% NAV
1	VPB	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	6.13	26	CTG	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam	1.27
2	TCB	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	5.54	27	LPB	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt	1.27
3	FPT	Công ty Cổ phần FPT	5.06	28	VND	CTCP Chứng khoán VNDIRECT	1.23
4	VHM	CTCP Vinhomes	5.01	29	THD	Công ty Cổ phần Thaiholdings	1.22
5	HPG	Công ty cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	4.81	30	KDH	Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh nhà Khang Điền	1.08
6	MWG	Công ty cổ phần Đầu tư Thế giới Di động	4.67	31	KBC	Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc	1.00
7	MSN	Công ty Cổ phần Tập đoàn MaSan	4.66	32	PDR	Công ty cổ phần Phát triển Bất động sản Phát Đạt	0.93
8	ACB	Ngân hàng TMCP Á Châu	4.43	33	DIG	Tổng Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng	0.87
9	VNM	Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	4.08	34	OCB	Ngân hàng TMCP Phương Đông	0.83
10	NVL	CTCP Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	4.00	35	IDC	Tổng công ty IDICO - Công ty Cổ phần	0.83
11	VIC	Tập đoàn Vingroup - Công ty Cổ phần	3.84	36	GMD	Công ty Cổ phần Gemadept	0.82
12	MBB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	3.70	37	GEX	Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam	0.78
13	SSB	Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	3.19	38	VCI	CTCP Chứng khoán Bản Việt	0.72
14	STB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín	2.93	39	KDC	Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido	0.58
15	VCB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam	2.71	40	NLG	Công ty cổ phần Đầu tư Nam Long	0.56
16	HDB	Ngân hàng Phát triển TPHCM	2.34	41	HSG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen	0.56
17	SHB	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	2.07	42	VHC	Công ty cổ phần Vinh Hoàn	0.54
18	VJC	CTCP Hàng không VietJet	2.04	43	POW	Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	0.52



**THÔNG TIN LIÊN HỆ****SSI ASSET MANAGEMENT CO LTD****Business Development – Director**

Mr. Ho Minh Tri (+84) 28 3824 2897 ext 1628 or (+84) 90 888 9669

[trihm@ssi.com.vn](mailto:trihm@ssi.com.vn)**Portfolio Manager**

Mr Bui Van Tot Tel: (+84) 4 3936 6321 ext: 1627

[totbv@ssi.com.vn](mailto:totbv@ssi.com.vn)**SSI SECURITIES CORPORATION (SSI)****Managing Director, Institutional Brokerage**

Mr. Nguyen Anh Duc (+84) 979 585658

[ducna1@ssi.com.vn](mailto:ducna1@ssi.com.vn)**MIRAE ASSET SECURITIES (VIET NAM) LIMITED LIABILITY COMPANY (MAS)****Sales Manager**

Mr. Dinh Quang Thien (+84) 90 2474538

[thien.dq@miraeasset.com.vn](mailto:thien.dq@miraeasset.com.vn)**BIDV SECURITIES JOINT STOCK COMPANY (BSC)****Head of Institutional Sales**

Mr. Vu Thanh Phong (+84) 97 4740580

[phongvt@bsc.com.vn](mailto:phongvt@bsc.com.vn)**KIS VIETNAM SECURITIES CORPORATION (KIS)****Head of Brokerage Dept**

Ms. Lam Uyen (+84) 94 4411268

**KHUYẾN CÁO**

Tài liệu này được viết và phát hành bởi công ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI (SSIAM). Tài liệu này chỉ mang tính chất tham khảo và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Tài liệu này không phải là bản cáo bạch, lời đề nghị hay là bất kỳ cam kết nào của SSIAM. SSIAM không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi tài liệu này dưới mọi hình thức khi các vấn đề thuộc về quan điểm, dự báo và ước tính trong tài liệu này thay đổi hoặc trở nên không chính xác.

Trong trường hợp có bất kỳ thay đổi về thông tin nhà đầu trong Phần A của Hồ Sơ Nhà Đầu Tư đã gửi SSIAM, kính đề nghị Quý Nhà Đầu Tư cập nhật cho chúng tôi trong thời gian sớm nhất.

Tài liệu này không nên được sử dụng cho mục đích ghi nhận kế toán, thuế hay để đưa ra các quyết định đầu tư. Nhà Đầu Tư nên chú ý rằng kết quả hoạt động trong quá khứ không hàm ý đảm bảo cho kết quả hoạt động của Quỹ trong tương lai. Giá trị của một chứng chỉ quỹ và thu nhập của Quỹ có thể tăng hoặc giảm nên không thể được bảo đảm bởi Công Ty Quản Lý Quỹ. Trường hợp Nhà Đầu Tư nghi ngờ về quyết định đầu tư của mình thì nên tìm hiểu thêm thông tin hoặc tham khảo ý kiến chuyên gia để có quyết định đầu tư thích hợp.

**Asia Asset Management**

“Công Ty Quản Lý Quỹ tốt nhất Việt Nam” năm 2012, 2013, 2016

“Tổng Giám Đốc của Năm” năm 2012, 2013, 2014, 2015, 2016, 2020, 2022

“Giám Đốc Đầu Tư của Năm” năm 2013, 2014, 2015

“Quỹ Mới của Năm” năm 2020

**Asian Investor**

“Công Ty Quản Lý Quỹ Nội Địa Tốt Nhất Việt Nam” năm 2010

“Công Ty Quản Lý Quỹ Tốt Nhất Việt Nam” năm 2015, 2016, 2017, 2018

“Hoạt động Phát triển Kinh doanh Tốt Nhất” năm 2022

**The Asset**

“Công Ty Quản Lý Quỹ của Năm” năm 2012, 2014, 2021, 2022

“Công Ty Quản Lý Quỹ Nội Địa của Năm” năm 2015, 2016, 2017, 2018

“Nhà cung cấp ETF của Năm” năm 2021

**Alpha Southeast Asia**

“Công ty quản lý quỹ và tài sản tốt nhất Việt Nam” năm 2020, 2021, 2022

“Công ty quản lý quỹ tốt nhất Việt Nam cho các danh mục bảo hiểm và chương trình hưu trí tư nhân” năm 2020, 2021

“Nhà quản lý quỹ tốt nhất (Quỹ Cân Bằng)” năm 2021